

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 03/7/2024

*V/v : Chia tài sản chung của vợ chồng
sau khi ly hôn*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Văn Trung.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Tích và ông Nguyễn Sao Hâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng Nga, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 03/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2024/TLST-HNGĐ, ngày 17/01/2024 về việc tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXX-ST ngày 16/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11/6/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Xã Q, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Thôn T, xã K, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Dương Thị L, sinh năm 1952.

Nơi cư trú: Thôn T, xã K, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Thôn T, xã K, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

2. Chị Phạm Thị H, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Thôn T, xã K, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:

Chị và anh Phạm Văn Đ được Tòa án giải quyết cho ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 75 ngày 22/7/2021. Theo đó, anh chị ly hôn nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng do anh Đ hứa sẽ trả cho chị 300.000.000 đồng là tiền ngôi nhà anh chị xây trên đất của mẹ anh Đ là Bà Dương Thị L.

Từ khi có Quyết định ly hôn đến nay, anh Đ chưa trả chị được lần nào. Chị đã gặp anh Đ nói chuyện nhưng anh Đ không có ý kiến gì. Qua lần gặp anh Đ tại Tòa án, quá trình Tòa án hòa giải, anh Đ không nhất trí trả chị 300.000.000 đồng.

Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung của chị và anh Đ là ngôi nhà cấp 4 xây gạch đỏ, mái bê tông, chống nóng bằng mái tôn, nhà có diện tích 126 m², xây trên đất của Bà Dương Thị L là mẹ đẻ anh Đ. Đất vẫn mang tên bà L. Nhà xây tháng 02/2015, đến năm 2017 hoàn thiện như ngày nay. Chị xác định đất làm nhà là của bà L mẹ anh Đ, chị không có công tôn tạo, không có công sức gì đối với thửa đất nên chị tự nguyện không yêu cầu gì về công sức quản lý, tôn tạo đất của bà L. Do nhà xây trên đất của bà L nên chị cũng không thể ở trên ngôi nhà đó, chị đề nghị Tòa án định giá toàn bộ ngôi nhà và chia cho chị được hưởng bằng tiền.

Việc bà L yêu cầu chị và anh Đ trả bà 3.200.000 đồng tiền gạch xây nhà, chị đồng ý chia đôi chị và anh Đ mỗi người trả một nửa.

Đối với yêu cầu thanh toán các khoản nợ chung của vợ chồng: Chị tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung của vợ chồng theo đơn khởi kiện và bản tự khai đã trình bày, nợ về bên gia đình chị thì chị tự trả, nợ bên gia đình anh Đ do anh Đ tự trả.

Bị đơn anh Phạm Văn Đ trình bày: Anh nhất trí việc chị V rút yêu cầu giải quyết về nợ chung; anh xác định ngôi nhà do anh và chị V làm trên đất ở hợp pháp của bà L mẹ anh, anh không đồng ý trả chị V 300.000.000 đồng như chị V yêu cầu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Bà Dương Thị L trình bày: Anh Đ và chị V kết hôn năm 2009 và về ở nhà của anh Đ và vợ cũ anh Đ trên đất của bà, ngôi nhà đó anh Đ đã phá bỏ từ năm 2016. Ngôi nhà hiện nay do anh Đ chị V làm từ năm 2015, chỉ làm phần thô, đến năm 2017 thì hoàn thiện. Việc hoàn thiện ngôi nhà bà có tham gia phụ xây như bê gạch, đưa vữa, bà có cho 1 vạn gạch trị giá 3.200.000 đồng. Nay bà yêu cầu anh Đ chị V cùng nhau trả bà 3.200.000 đồng tiền gạch, bà tự nguyện không yêu cầu Đông Vân trả tiền công phụ xây nhà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Phạm Thị H trình bày: Chị và anh Đ kết hôn, đăng ký kết hôn tháng 7 năm 2022 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Kim Thành. Hiện chị và anh Đ sinh sống tại ngôi nhà do anh Đ chị V xây dựng trên đất của mẹ anh Đ là bà L, nhà xây từ năm 2015 và hoàn thiện năm 2017. Chị không tham gia và không có công sức hay đóng góp tài sản gì vào việc xây dựng, hoàn thiện ngôi nhà.

Quá trình giải quyết vụ án: Tại Biên bản hòa giải ngày 22/02/2024, chị V và anh Đ đã thỏa thuận: Nợ về bên gia đình anh Đ do anh Đ tự trả, nợ về bên gia đình chị V do chị V tự trả, anh Đ và chị V đều tự nguyện rút yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung.

Chị V và anh Đ thỏa thuận anh Đ trả chị V 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng tiền nhà là tài sản của vợ chồng chưa chia; hai bên nhất trí thỏa thuận mỗi quý (Ba tháng) anh Đ trả chị V 10.000.000 (Mười triệu) đồng, lần trả đầu tiên tính từ ngày 01/3/2024 đến khi trả hết số tiền 200.000.000 đồng.

Chị V và anh Đ mỗi người tự chịu $\frac{1}{2}$ án phí dân sự.

Sau khi hòa giải, chị V xét thấy phương thức thanh toán như trên là không hợp lý, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của chị. Chị yêu cầu anh Đ trả ngay một lần 300.000.000 đồng, nếu anh Đ không đồng ý, chị yêu cầu Tòa án tiến hành thẩm định và định giá ngôi nhà để trả cho chị bằng tiền.

Quá trình tiến hành hòa giải tiếp theo, các đương sự không thống nhất được việc giải quyết vụ án.

Tòa án đã tiến hành thẩm định, định giá tài sản tranh chấp là ngôi nhà của anh Đ chị V được xây dựng trên đất của bà L mẹ anh Đ. Anh Đ nhất trí kết quả xem xét, thẩm định nhưng không đồng ý kết quả định giá ngôi nhà, anh yêu cầu Tòa án định giá lại.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị V xin vắng mặt tại phiên tòa và giữ nguyên quan điểm không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung của chị và anh Đ; chị đề nghị Tòa án buộc bị đơn anh Đ trả chị $\frac{1}{2}$ giá trị ngôi nhà là tài sản chung của chị với anh Đ theo kết quả định giá của Hội đồng định giá, cho chị được hưởng bằng tiền; chị nhất trí trả bà L tiền gạch 1.600.000 đồng; chị yêu cầu anh Đ có trách nhiệm trả chị $\frac{1}{2}$ tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản.

Bị đơn anh Đ vắng mặt và không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Dương Thị L đã ủy quyền giải quyết vụ án cho anh Đ và yêu cầu anh Đ, chị V cùng có trách nhiệm trả bà 3.200.000 đồng tiền gạch bà đã cho xây nhà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị H xin vắng mặt tại phiên tòa và xác định chị không tham gia và không có công sức hay đóng góp tài sản gì vào việc xây dựng, hoàn thiện ngôi nhà.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa tóm tắt nội dung vụ án và công bố đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng

cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; khoản 1, khoản 2 Điều 228; Điều 238; khoản 2 Điều 157; khoản 2 Điều 164; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 33, khoản 2 Điều 37, Điều 59 Luật Hôn nhân & gia đình; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V. Giao cho anh Đ được sở hữu, sử dụng ngôi nhà của anh Đ, chị V được xây dựng trên đất của bà L. Anh Đ có trách nhiệm trả chị V 300.738.500 đồng giá trị ngôi nhà; chấp nhận yêu cầu của Bà Dương Thị L, buộc anh Đ và chị V mỗi người phải trả bà L 1.600.000 đồng tiền gạch xây nhà; đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của chị V về việc giải quyết nợ chung của chị V và anh Đ; anh Đ phải trả chị V 3.950.000 đồng chi phí thẩm định và định giá tài sản; chị V và anh Đ phải chịu án phí dân sự theo quy định; miễn toàn bộ án phí đối với bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương có đủ cơ sở xác định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị V đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương chia ngôi nhà là tài sản chung của vợ chồng chưa chia; căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự “Chia tài sản sau khi ly hôn” nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về việc Chia tài sản sau khi ly hôn”. Bị đơn anh Phạm Văn Đ đăng ký thường trú và cư trú tại thôn T, xã K, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn chị V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Dương Thị L đã ủy quyền

cho anh Đ tham gia tố tụng giải quyết vụ án; bị đơn anh Phạm Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Ngày 22/7/2021, chị V và anh Phạm Văn Đ được Tòa án giải quyết cho ly hôn. Theo đó, anh chị ly hôn nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng do anh Đ hứa sẽ trả cho chị V 300.000.000 đồng là tiền ngôi nhà anh chị xây trên đất của mẹ anh Đ là Bà Dương Thị L. Đến nay đã hơn ba năm, chị đã nhiều lần trao đổi với anh Đ nhưng anh Đ nhất lần không trả, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Đ trả số tiền 300.000.000 đồng, nếu anh Đ không đồng ý, chị đề nghị Tòa án thẩm định, định giá ngôi nhà và chia cho chị được hưởng bằng tiền.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều xác định ngôi nhà chung của anh Đ chị V được xây dựng từ năm 2015, hoàn thiện năm 2017, xây trên đất của Bà Dương Thị L là mẹ đẻ anh Đ, là tài sản chung chưa chia của anh Đ và chị V.

Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương: Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 39 tại thôn T, xã K, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, đứng tên Bà Dương Thị L.

Như vậy, có căn cứ xác định ngôi nhà anh Đ chị V xây trên đất của bà L mẹ anh Đ là tài sản chung chưa chia của chị V và anh Đ. Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V về việc chia tài sản chung của chị V và anh Đ.

Kết quả định giá tài sản ngày 06/5/2024 của Hội đồng định giá Ủy ban nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương định giá toàn bộ ngôi nhà trị giá 601.477.000 đồng.

Do ngôi nhà chung của anh Đ chị V được xây dựng trên diện tích đất ở hợp pháp của Bà Dương Thị L là mẹ anh Đ nên chị V đề nghị được chia bằng tiền, vì vậy cần thiết giao cho bà L được quyền sở hữu, sử dụng ngôi nhà, bà L có nghĩa vụ trả chị V và anh Đ mỗi người 300.738.500 đồng.

[4] Đối với yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Dương Thị L: Bà L yêu cầu anh Đ và chị V có trách nhiệm trả bà 3.200.000 đồng tiền gạch xây nhà. Anh Đ và chị V nhất trí cùng có trách nhiệm trả bà L số tiền gạch trên. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ buộc anh Đ, chị V, mỗi người có trách nhiệm trả bà L 1.600.000 đồng.

[5] Đối với việc anh Đ không đồng ý kết quả định giá ngôi nhà, anh yêu cầu Tòa án định giá lại. Tòa án đã thông báo cho anh Đ nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản, anh Đ không có ý kiến gì nên không có căn cứ để giải quyết.

[6] Đối với chi phí thẩm định và định giá tài sản: Tổng chi phí thẩm định và định giá tài sản là 7.900.000 đồng, chị V yêu cầu anh Đ chịu 50% tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản. Căn cứ khoản 2 Điều 157; khoản 2 Điều 164 Bộ luật Tố tụng dân sự. Buộc anh Đ có nghĩa vụ trả chị V tiền thẩm định và định giá tài sản là 3.950.000 đồng.

[7] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị H: Chị H xác định mặc dù sau khi kết hôn với anh Đ, chị có ở tại ngôi nhà do anh Đ chị V xây dựng nhưng chị không có đóng góp công sức, tiền của và không có công sức duy trì, tôn tạo, sửa sang ngôi nhà nên chị không có yêu cầu, đề nghị gì. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra việc giải quyết.

[8] Đối với yêu cầu giải quyết nợ chung của nguyên đơn: Nguyên đơn chị V tự nguyện rút toàn bộ yêu giải quyết về nợ chung, anh Đ nhất trí ý kiến của chị V về việc rút yêu cầu giải quyết nợ chung, anh không có yêu cầu phản tố, thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, cần đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của chị V về việc giải quyết nợ chung vợ chồng.

[9] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chị V và anh Đ phải chịu án phí dân sự theo giá ngạch đối với phần tài sản được hưởng. Bà L không phải chịu án phí dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; khoản 1, khoản 2 Điều 228; Điều 238; khoản 2 Điều 157; khoản 2 Điều 164; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 33, khoản 2 Điều 37, Điều 59 Luật Hôn nhân & gia đình; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V.

2/ Xác định ngôi nhà của anh Đ chị V được xây dựng trên thửa đất số 86, tờ bản đồ số 39 mang tên Bà Dương Thị L, tại thôn T, xã K, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, là tài sản chung chưa chia của anh Đ và chị V.

Giao cho bà Dương Thị Lan được sở hữu, sử dụng ngôi nhà của anh Đ chị V xây dựng trên đất của bà L.

Bà Dương Thị L có trách nhiệm trả chị Nguyễn Thị V và anh Phạm Văn Đ mỗi người 300.738.500 đồng.

3/ Chấp nhận yêu cầu của Bà Dương Thị L. Buộc chị Nguyễn Thị V và anh Phạm Văn Đ, mỗi người có trách nhiệm trả Bà Dương Thị L, sinh năm 1952. Nơi cư trú: Thôn T, xã K, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương 1.600.000 đồng tiền gạch xây nhà.

4/ Về chi phí Thẩm định và định giá tài sản: Chị Nguyễn Thị V và anh Phạm Văn Đ, mỗi người phải chịu 3.950.000 đồng chi phí thẩm định và định giá tài sản. Chị V đã thực hiện xong nghĩa vụ về chi phí thẩm định và định giá tài sản. Anh Đ phải trả chị V tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản là 3.950.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của chị V về việc yêu cầu giải quyết nợ chung vợ chồng.

6/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 15.036.925 đồng án phí dân sự nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 8.050.000 đồng theo Biên lai thu kí hiệu: BLTU/23 số 0001875 ngày 17/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Chị Nguyễn Thị V còn phải nộp 6.986.925 đồng án phí dân sự.

Anh Phạm Văn Đ phải chịu 15.036.925 đồng án phí dân sự.

7/ Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Kim Thành;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Trung